TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C1** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ	*C1, ngày 27 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C1, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu "*Công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm 1989.

Nơi cư trú: TDP L, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh **Đỗ Thanh V** - sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn P 2, xã PV, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Thanh V tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2016 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 45, ngày 27/8/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh V sống tại TDP L, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian đầu vợ chồng anh, chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung, nhưng đến cuối năm 2017 vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về tâm sinh lý, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về kinh tế, tiền bạc, từ tháng 4 năm 2018 đến nay vợ chồng anh, chị đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay vợ chồng anh, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên

cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng anh, chị.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Thanh V có 01 con chung là cháu Đỗ Tuấn K - sinh ngày 13/7/2017; vợ chồng chị H, anh V thỏa thuận như sau: Chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Tuấn K; anh Đỗ Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2019 cho đến khi cháu Đỗ Tuấn K đủ 18 tuổi, nên áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của vợ chồng anh, chị.

[3] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Thanh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

[4] *Về lệ phí*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Thanh V nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật;

- *Về các vấn đề khác*: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Thanh V thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Tuấn K; anh Đỗ Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2019 cho đến khi cháu Đỗ Tuấn K đủ 18 tuổi.

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Thanh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

[2]. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Nguyễn Thị Thu H nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con định kỳ; anh Đỗ Thanh V nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000230 ngày 14/01/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đỗ Thanh V đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Quy định:

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải thi hành án cho người được thi hành án) mà chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND TP C1;*
- *Chi cục THADS TP C1;*
- *UBND phường C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

THẨM PHÁN

TRƯƠNG VĂN VƯƠNG